

Bản án số: 59/2021/HS-PT

Ngày: 22-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quê

Các Thẩm phán:

Ông Trần Trọng Nhân

Ông Trịnh Xuân Miên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Mìl, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Đồng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2021/TLPT-HS ngày 18 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị C và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo C và các bị cáo khác đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2021/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị C, sinh năm 1962, tại Cà Mau; nơi cư trú: 14/16/18 Phan Ngọc Hiền, khóm M, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Dương Thị D (đã chết); có chồng (đã ly hôn) và 04 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Có 01 tiền sự đã được xóa (Ngày 12/4/2017, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau ban hành Quyết định số 1336/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000 đồng về hành vi làm chủ lô đề, chấp hành xong ngày 21/4/2017); bị cáo bị tạm giữ ngày 19/6/2020 đến ngày 28/6/2020 được thay thế bằng biện pháp cho gia đình bảo lĩnh. Bị cáo có mặt.

2. Trịnh Bạch L1, sinh năm 1951, tại Cà Mau; nơi cư trú: Số 02, đường Phan Ngọc Hiền, khóm M, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Thanh Thủy (đã chết) và bà Lê Thị Ty (đã chết); có chồng và 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: không; nhân thân: Có 01 tiền sự đã được xóa (Ngày 09/3/2016, bị Giám đốc Công an tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 180/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính 15.000.000 đồng về hành vi làm chủ lô đề, chấp hành xong ngày 10/3/2016). Bị cáo tại ngoại có mặt.

3. Trương Thúy H, sinh năm 1974, tại Cà Mau; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; chỗ ở khác: Khóm N, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Tr (đã chết)

và bà Tạ Thị S (đã chết); có chồng và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

4. Nguyễn Thu V; sinh năm 1960, tại Cà Mau; nơi cư trú: Khóm H, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Dương Thị D (đã chết); có chồng (đã ly hôn) và 02 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Nhân thân: Có 01 tiền sự đã được xóa (Ngày 11/6/2002, bị Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau ban hành quyết định số 12/QĐ-UBND xử phạt vi phạm hành chính 23 triệu đồng do có hành vi làm chủ đề) và có 01 tiền án đã được xóa (Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 69/2007/HSPT ngày 20/3/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xử phạt 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”, đã chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm và tiền sung quỹ Nhà nước vào ngày 16/5/2007). Bị cáo tại ngoại có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (không được Tòa án triệu tập):* Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1961.

Nơi cư trú: Số 164, đường Tôn Đức Thắng, khóm F, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ 20 phút ngày 19/6/2020, Công an tỉnh Cà Mau bắt quả tang Nguyễn Thị C đang thực hiện hành vi mua bán số đề tại nhà của C thuộc khóm F, phường O, thành phố C, tang vật thu giữ:

- Một điện thoại di động Nokia gắn sim số 0945.377.732, kiểm tra phát hiện tại thư mục tin nhắn có 07 tin nhắn ở hộp thư đến và hai tin nhắn ở các tin đã gửi thể hiện mua bán số đề vào ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa bà C với bà Huỳnh và bà Nguyễn Thị L1 (vợ Út Kèn);

- Một điện thoại di động hiệu Vivo gắn sim số 0943.160.251, kiểm tra phát hiện tại tài khoản Zalo Nguyễn C liên lạc mua bán số đề với bốn tài khoản Zalo gồm: Mười Phạm có 06 tin nhắn, Mẹ Yêu có 03 tin nhắn, H Trương có 11 tin nhắn và Tuấn Nhỏ 01 tin nhắn, nhắn qua lại giữa bà C với Ngân, Nguyễn Thu V và H thể hiện việc mua, bán số đề vào ngày 19 tháng 6 năm 2020;

- Bảy tờ giấy ghi số đề được đánh số thứ tự từ 1 đến 7, thể hiện việc bà C mua bán số đề vào ngày 19 tháng 6 năm 2020.

- Hai cây viết màu xanh trắng hiệu Snape.

- Tiền Việt Nam: 765.000 đồng (tiền cá nhân của C)

Ngày 20/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành thu giữ các tang vật sau:

- Thu giữ của bà Nguyễn Thị L1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng – trắng seri F4JQWFORGRY8, IMEI 355693071582723, đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Nguyễn Thu V 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 seri FFNQ17BMG5MC, màu bạc đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Trịnh Bạch L1 01 điện thoại di động hiệu Nokia model 1800, type RM 653;

Quá trình điều tra:

- Bị cáo Trịnh Bạch L1 thừa nhận hành vi bán số đề vào ngày 19/6/2020 như sau: Bị cáo có trực tiếp bán số đề cho bốn người (không xác định được họ tên và địa chỉ đầy đủ), sau đó sử dụng điện thoại có sim số 0948.930.934 gọi đến điện thoại di động có sim số 0943.160.251 của C để giao lại những con số đề đã bán được để giao lại cho C và được C ghi lại trên giấy tập học sinh. Cụ thể:

Đài Trà Vinh: Số đầu, số đuôi: 512.000 đồng; Số lô 2 con: 214.000 đồng x 18 = 3.852.000 đồng; Số lô 3 con: 9.000 đồng x 17 = 153.000 đồng. Tổng cộng: 4.517.000 đồng. Đối chiếu với kết quả xổ số đài Trà Vinh ngày 19/6/2020, trong những số Bạch L1 đã bán cho bốn người (không xác định được họ tên và địa chỉ đầy đủ) trúng 10 con số lô 02 con với số tiền trúng thưởng là 2.960.000 đồng. L1 đã trả tiền các số trúng nêu trên cho người mua với số tiền 2.960.000 đồng. Do đó, tổng số tiền Bạch L1 dùng đánh bạc vào ngày 19/6/2020 là 7.477.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thị C thừa nhận: Ngày 19/6/2020 bị cáo Bạch L1 dùng điện thoại di động số sim 0948.930.934 gọi đến số điện thoại 0943.160.251 của bị cáo để bán lại những con số mà bị cáo L1 đã bán được cho bốn người mua số lô, số đề của L1, tỷ lệ số đầu, số đuôi C lấy tiền 74%; số lô 02 con và 03 con lấy tiền 14,7 lần. Cụ thể:

Đài Trà Vinh: Số đầu, số đuôi: 512.000 đồng; Số lô 2 con: 214.000 đồng x 15 = 3.852.000 đồng; Số lô 3 con: 9.000 đồng x 17 = 153.000 đồng. Tổng cộng: 4.517.000 đồng

Ngoài ra, bị cáo còn bán số lô, số đề cho bốn người khác, cụ thể như sau:

+ Bị cáo bán số lô, số đề cho Nguyễn Thị L1 bằng hình thức: Thị L1 sử dụng điện thoại di động sim số 0941.317.157 nhắn tin vào số điện thoại 0945.377.732 của C để mua số lô, số đề với tỷ lệ số đầu, số đuôi C lấy tiền 80%, số lô 2 con và 3 con lấy tiền 15 lần.

Đài Trà Vinh: Số đầu, số đuôi: 440.000 đồng; Số lô: 115.000 đồng x 18 = 2.070.000 đồng. Tổng cộng: 2.510.000 đồng.

Đài Bình Dương: Số đầu, số đuôi: 280.000 đồng; Số lô: 45.000 đồng x 18 = 810.000 đồng. Tổng cộng: 1.090.000 đồng.

Đài Vĩnh Long: Số đầu, số đuôi: 280.000 đồng; Số lô: 45.000 đồng x 18 = 810.000 đồng. Tổng cộng: 1.090.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo đánh bạc với Thị L1 là 4.690.000 đồng.

+ Bị cáo bán số lô, số đề cho Tô Thúy Huỳnh bằng hình thức: Huỳnh sử dụng điện thoại di động sim số 0917.987.424 nhắn tin vào số điện thoại 0945.377.732 của bị cáo để mua số lô, số đề với tỷ lệ số đầu, số đuôi C lấy tiền 75%, số lô 2 con và 3 con lấy tiền 14,7 lần.

Đài Trà Vinh: Số đầu, số đuôi: 220.000 đồng; Số lô 02 con: 17.000 đồng x 18 = 306.000 đồng; Số lô 03 con: 4.000 đồng x 17 = 68.000 đồng. Tổng cộng: 594.000 đồng.

Đài Bình Dương: Số đầu, số đuôi: 40.000 đồng; Số lô: 4.000 đồng x 18 = 72.000 đồng. Tổng cộng: 112.000 đồng.

Đài Vĩnh Long: Số đầu, số đuôi: 40.000 đồng; Số lô: 4.000 đồng x 18 = 72.000 đồng. Tổng cộng: 112.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo đánh bạc với Huỳnh vào ngày 19/6/2020 là 818.000 đồng.

+ Bị cáo bán số lô, số đề cho Nguyễn Thu V bằng hình thức: V sử dụng điện thoại di động thông qua mạng xã hội Zalo có tên “Mười Phạm” nhắn tin đến zalo của C có tên “Nguyễn C” để mua số đề, với tỷ lệ số đầu, số đuôi C lấy tiền 72%, số lô 02 con lấy tiền 14,5 lần, số lô 03 con lấy tiền 12 lần, số đá lấy tiền 25 lần và xỉu chủ lấy tiền 72%.

Đài Trà Vinh: Số đầu, số đuôi: 600.000 đồng; Số lô 02 con: 198.000 đồng x 18 = 3.564.000 đồng; Số lô 03 con: 5.000 đồng x 17 = 85.000 đồng; Số đá 02 con: 5.000 đồng x 25 = 125.000 đồng; Xỉu chủ: 30.000 đồng. Tổng cộng: 4.404.000 đồng.

Đài Bình Dương: Số đầu, số đuôi: 120.000 đồng; Số lô 02 con: 90.000 đồng x 18 = 1.620.000 đồng. Tổng cộng: 1.740.000 đồng.

Đài Vĩnh Long: Số đầu, số đuôi: 120.000 đồng; Số lô 02 con: 90.000 đồng x 18 = 1.620.000 đồng. Tổng cộng: 1.740.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo dùng để đánh bạc với V là 7.884.000 đồng

+ Bị cáo bán số lô, số đề cho Phan Thanh Ngân bằng hình thức: Ngân sử dụng điện thoại di động thông qua mạng xã hội Zalo có tên “Mẹ Yêu” nhắn tin đến zalo của C có tên “Nguyễn C” để mua số đề, với tỷ lệ số đầu, số đuôi C lấy tiền 72%, số lô 02 con lấy tiền 14,5 lần.

Đài Trà Vinh: Số đầu, số đuôi: 20.000 đồng; Số lô 02 con: 56.000 đồng x 18 = 1.008.000 đồng; Tổng cộng: 1.028.000 đồng.

Đài Bình Dương: Số lô 02 con: 45.000 đồng x 18 = 810.000 đồng;

Đài Vĩnh Long: Số lô 02 con: 45.000 đồng x 18 = 810.000 đồng;

Tổng số tiền C đánh bạc với Ngân vào ngày 19/6/2020 là 2.648.000 đồng.

* Tổng số tiền Nguyễn Thị C dùng đánh bạc vào ngày 19 tháng 6 năm 2020 là 20.111.000 đồng, gồm: Đài Trà Vinh: 13.228.000 đồng; Đài Bình Dương: 3.752.000 đồng; Đài Vĩnh Long: 3.131.300 đồng.

- Bị cáo Trương Thúy H thừa nhận: Ngày 19/6/2020, sau khi bị cáo C bán số đề cho V, Thị L1, Bạch L1, Huỳnh và Ngân vào ngày 19/6/2020 thì trích giữ lại một phần để ăn thua với người mua, phần còn lại bị cáo C giao cho bị cáo để hưởng hoa hồng với tỷ lệ ăn thua như sau: Số đầu đuôi bị cáo H lấy tiền 72%, số lô 02 con lấy tiền 14,5 lần, số lô 03 con lấy tiền 12 lần, xỉu chủ lấy tiền 72%, số đá lấy tiền 25 lần. Bị cáo C gửi tin nhắn zalo, từ zalo của C có tên là “Nguyễn C” đến zalo của bị cáo H có tên là “H Trương”. C gửi 15 tin nhắn từ zalo “Nguyễn C” đến zalo “H Trương” để mua số lô, số đề nhưng H chỉ đồng ý mua bán với C trên 11 tin nhắn. Cụ thể:

Đài Trà Vinh: Số đầu, số đuôi: 1.215.000 đồng; Số lô 02 con: 310.000 đồng x 18 = 5.580.000 đồng; Số lô 03 con: 18.000 đồng x 17 = 306.000 đồng; Xỉu chủ: 70.000 đồng. Tổng cộng: 7.171.000 đồng.

Đài Bình Dương: Số đầu, số đuôi: 440.000 đồng; Số lô 02 con: 114.000 đồng x 18 = 2.052.000 đồng. Tổng cộng: 2.492.000 đồng.

Đài Vĩnh Long: Số đầu, số đuôi: 440.000 đồng; Số lô 02 con: 114.000 đồng x 18 = 2.052.000 đồng. Tổng cộng: 2.492.000 đồng.

Tổng số tiền H đánh bạc với C là 12.155.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thu V thừa nhận: Ngày 19/6/2020, C bán số lô, số đề cho V bằng hình thức: V sử dụng điện thoại di động thông qua mạng xã hội Zalo có tên “Mười Phạm” nhắn tin đến zalo của C có tên “Nguyễn C” để mua số đề, với tỷ lệ số đầu, số đuôi C lấy tiền 72%, số lô 02 con lấy tiền 14,5 lần, số lô 03 con lấy tiền 12 lần, số đá lấy tiền 25 lần và xiu chủ lấy tiền 72%.

Đài Trà Vinh: Số đầu, số đuôi: 600.000 đồng; Số lô 02 con: 198.000 đồng x 18 = 3.564.000 đồng; Số lô 03 con: 5.000 đồng x 17 = 85.000 đồng; Số đá 02 con: 5.000 đồng x 25 = 125.000 đồng; Xiu chủ: 30.000 đồng. Tổng cộng: 4.404.000 đồng.

Đài Bình Dương: Số đầu, số đuôi: 120.000 đồng; Số lô 02 con: 90.000 đồng x 18 = 1.620.000 đồng. Tổng cộng: 1.740.000 đồng.

Đài Vĩnh Long: Số đầu, số đuôi: 120.000 đồng; Số lô 02 con: 90.000 đồng x 18 = 1.620.000 đồng. Tổng cộng: 1.740.000 đồng.

Đối với vật chứng thu giữ gồm:

- Một điện thoại di động Nokia gắn sim số 0945.377.732, một điện thoại di động hiệu Vivo gắn sim số 0943.160.251 của Nguyễn Thị C là sử dụng trong việc mua bán số đề; Hai cây viết màu xanh trắng hiệu Snape không còn giá trị sử dụng Tiền Việt Nam: 765.000 đồng là tiền cá nhân của C; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc của Nguyễn Thu V và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1800 của Trịnh Bạch L1 được sử dụng để mua bán số đề đang chờ xử lý theo quy định

- Bảy tờ giấy ghi số đề được đánh số thứ tự từ 1 đến 7, thể hiện việc bà C mua bán số đề vào ngày 19 tháng 6 năm 2020 (kèm theo hồ sơ) nên không đề nghị xử lý;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng – trắng của bà Nguyễn Thị L1, qua kiểm tra chưa chứng minh được điện thoại này được sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2021/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo C 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, buộc bị cáo C nộp vào ngân sách Nhà nước 12.155.000 đồng; Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s, o khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 47 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo L1 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, buộc bị cáo L1 nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 6.074.000 đồng; Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 47 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo V 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”, buộc bị cáo V nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 7.884.000 đồng; Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo H 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/4/2021 (đối với bị cáo L1), ngày 16/4/2021 (đối với bị cáo C và bị cáo V), các bị cáo L1, C, V kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc giảm nhẹ khoản tiền phạm tội; Ngày 19/4/2021, bị cáo H kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc phạt

tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Riêng các bị cáo C, Bạch L1, V thay đổi kháng cáo không yêu cầu xem xét giảm khoản tiền phạm tội, chỉ yêu cầu xem xét được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2021/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau về phần hình phạt. Đề nghị phạt bị cáo C 06 tháng tù, phạt bị cáo V 04 tháng tù, phạt bị cáo L1 03 tháng tù, phạt bị cáo H 03 tháng tù.

- Lời nói sau cùng của bị cáo C: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được hưởng án treo;

- Lời nói sau cùng của bị cáo V: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được hưởng án treo;

- Lời nói sau cùng của bị cáo L1: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được hưởng án treo;

- Lời nói sau cùng của bị cáo H: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được hưởng án treo hoặc phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo C, V và L1 thay đổi một phần kháng cáo không còn yêu cầu xem xét giảm khoản tiền phạm tội, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Các bị cáo Nguyễn Thị C, Nguyễn Thu V, Trịnh Bạch L1 và Trương Thúy H thừa nhận: Vào ngày 19/6/2020, các bị cáo có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức mua bán số đề nhằm mục đích thu lợi bất chính, số tiền ăn thua cụ thể như sau: L1 có hành vi bán số đề ăn thua trên số tiền 7.477.000 đồng, C có hành vi bán số đề ăn thua trên tổng số tiền 20.111.000 đồng, H có hành vi bán số đề ăn thua trên tổng số tiền 12.155.000 đồng, V có hành vi mua số đề ăn thua trên tổng số tiền 8.059.000 đồng. Với các tình tiết này, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không oan cho các bị cáo.

[3] Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo đánh bạc là trái pháp luật, phạm tội thì phải bị xử lý và chịu hình phạt theo pháp luật hình sự.

[4] Đối với bị cáo C: Bị cáo có 01 tiền sự đã được xóa, tuy thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính tính đến ngày phạm tội đã quá 06 tháng. Nhưng bị cáo tham gia đánh bạc với tất cả các bị cáo trong vụ án, đồng thời ngày 19/6/2020, bị cáo còn bán số đề cho nhiều người khác, gồm bán cho Nguyễn Thị

L1 với số tiền 4.690.000 đồng, bán cho Tô Thúy H1 số tiền là 818.000 đồng, bán cho Phan Thanh Ng số tiền 2.648.000 đồng. Quá trình xét xử, cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, gồm: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Có anh cùng cha khác mẹ tên Tạ Văn L2 là liệt sĩ. Với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của các hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân của bị cáo nói trên, cấp sơ thẩm quyết định 06 tháng tù đối với bị cáo là tương xứng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo và cung cấp thêm tình tiết vợ chồng đã ly hôn phải một mình nuôi người con sinh năm 2006 bị bệnh. Tuy nhiên, các tình tiết giảm nhẹ này không làm thay đổi mức hình phạt như cấp sơ thẩm đã tuyên. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo.

[4] Đối với bị cáo L1: Quá trình xét xử sơ thẩm, cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người đủ 70 tuổi trở lên. Từ đó, cấp sơ thẩm đã quyết định 03 tháng đối với bị cáo là tương xứng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo và cung cấp thêm tình tiết có chồng bị bệnh tim mạch, bản thân là tuổi già, sức yếu. Tuy nhiên, do cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo.

[5] Đối với bị cáo H: Sau khi bán số đề cho bị cáo V, Bạch L1, Thị L1, H1 và Ng, thì bị cáo C trích giữ lại một phần để ăn thua với người mua, phần còn lại bị cáo C giao cho bị cáo H để hưởng hoa hồng. Quá trình xét xử sơ thẩm, cấp sơ thẩm cũng đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo V gồm: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có cha ruột ông Trương Văn Tr là Liệt sĩ. Từ đó, cấp sơ thẩm đã quyết định 03 tháng tù đối với bị cáo là tương xứng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo và cung cấp các tài liệu (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T2, huyện Đ) xác định các tình tiết giảm nhẹ mới gồm: Có bà ngoại tên Lâm Thị Eng là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cậu ruột Tạ Văn T là liệt sĩ, dì ruột Tạ Thị L3 là liệt sĩ và là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, có 02 con đang học Đại học. Tuy nhiên, do cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên mặc dù bị cáo có cung cấp các tình tiết giảm nhẹ mới nhưng cũng không làm thay đổi mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã quyết định. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo.

[6] Đối với bị cáo V: Quá trình xét xử sơ thẩm, cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Có anh cùng cha khác mẹ tên Tạ Văn Linh là liệt sĩ. Để từ đó xác định bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo đã từng bị kết án, nên lần phạm tội này dù thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, thì bị cáo cũng không được hưởng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i như cấp sơ thẩm đã xác định. Do cấp sơ thẩm xác định bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ gồm điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để từ đó, căn cứ Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định 04 tháng tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật. Mặt khác, bị cáo không bị kháng nghị về phần hình phạt, nên cần hủy phần này của bản án sơ thẩm để giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo đúng quy định.

[7] Cấp sơ thẩm nhận định và xác định các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng, nhưng phần quyết định của bản án sơ thẩm chỉ căn cứ Điều 321 của Bộ luật Hình sự để tuyên bố các bị cáo V, L1 và H phạm tội “Đánh bạc” mà không xác định khoản của điều luật là có thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo C, L1, H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Do hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm, nên bị cáo V không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

[10] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; điểm a, c khoản 1 Điều 355, Điều 356; điểm d khoản 2 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị C; Khoản 1 Điều 321, điểm i, s, o khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Bạch L1; Khoản 1 Điều 321, điểm i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Thúy H; Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Thị C, Trịnh Bạch L1; Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc phạt tiền của bị cáo Trương Thúy H.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 19/6/2020 đến ngày 28/6/2020.

3. Xử phạt bị cáo Trịnh Bạch L1 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

4. Xử phạt bị cáo Trương Thúy H 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

5. Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2021/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau về phần hình phạt đối với bị cáo

Nguyễn Thu V. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử lại theo quy định của pháp luật.

6. Các bị cáo Nguyễn Thị C, Trịnh Bạch L1 và Trương Thúy H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Trong đó, phần mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

7. Bị cáo Nguyễn Thu V không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân TP Cà Mau;
- Công an TP Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Cà Mau;
- Chi cục THADS TP Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế